

Số: /QĐ-UBND Thị trấn Hùng Sơn, ngày tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách thị trấn quý II năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN HÙNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Hùng Sơn tại kỳ họp thứ 7 khóa II nhiệm kỳ 2021-2026,*

*Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách thị trấn quý II năm 2024,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị trấn quý II năm 2024 của UBND thị trấn Hùng Sơn.

*(Theo các biểu 113,114,115/CKTC-NSNN và thuyết minh kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân thị trấn, Bộ phận kế toán, các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Lưu: VT-UBND.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quang Hải**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH  
THỊ TRẤN QUÝ II NĂM 2024**

*(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày /07/2024  
của UBND thị trấn Hùng Sơn)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 22/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Hùng Sơn tại kỳ họp thứ 7 HĐND thị trấn khóa II nhiệm kỳ 2021-2026;

UBND thị trấn Hùng Sơn thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2024 theo các nội dung sau:

**1. Cân đối ngân sách thị trấn quý II năm 2024** (đính kèm biểu số 113/CK TC-NSNN)

- Tổng số thu: 3.184.932.226 đồng

*Trong đó:* + Các khoản thu xã hưởng 100%: 94.385.755 đồng

+ Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 1.357.296.471 đồng

+ Thu bổ sung: 1.733.250.000 đồng

+ Thu chuyển nguồn: 0 đồng

- Tổng số chi: 2.073.745.819 đồng

*Trong đó:* + Chi đầu tư phát triển: 299.000.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 1.774.745.819 đồng

+ Chi chuyển nguồn: 0 đồng

**2. Ước thực hiện thu ngân sách xã quý II năm 2024** (đính kèm biểu số 114/CKTC-NSNN)

Tổng thu NSNN trên địa bàn thị trấn quý II năm 2024: 4.414.891.797 đồng/12.153.000.000 đồng đạt 36,32% dự toán giao. Thu cân đối trên địa bàn xã quý II năm 2024 thực hiện là: 1.451.682.226 đồng/5.113.000.000 đồng đạt 28,39% so với dự toán HĐND thị trấn giao giao.

**3. Ước thực hiện chi ngân sách xã quý II năm 2024** (đính kèm biểu số 115/CKTC-NSNN)

Tổng chi ngân sách nhà nước xã quý II năm 2024 là: 2.073.745.819 đồng/12.153.000.000 đồng đạt 17,06% kế hoạch giao.

*Trong đó:* + Chi đầu tư phát triển: 299.000.000 đồng

+ Chi thường xuyên: 1.774.745.819 đồng

#### **4. Đánh giá về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý II năm 2024**

Nhìn chung thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã quý II năm 2024 đảm bảo tiến độ so với dự toán, theo đó đã đảm bảo nguồn để cân đối nhiệm vụ chi theo dự toán, đặc biệt là chi các nhiệm vụ an sinh xã hội, chính sách cho con người và các nhiệm vụ phát sinh khác.

Công tác chi ngân sách quý II năm 2024 đã thực hiện theo đúng Luật ngân sách và dự toán giao đầu năm, các ban ngành đã chủ động xây dựng kế hoạch trên tinh thần tiết kiệm chi. Đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên cũng như đột xuất của bộ máy nhà nước, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đảm bảo chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, kịp thời thanh toán khối lượng tạm ứng và công tác quyết toán các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN QUÝ II NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2023	SỐ SÁNH (%)
A	B	I	2	3=2/I
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>12.153.000.000</b>	<b>3.184.932.226</b>	<b>26,21</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	290.000.000	94.385.755	32,55
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.823.000.000	1.357.296.471	28,14
3	Thu bổ sung	4.745.000.000	1.733.250.000	36,53
	- Thu bổ sung cân đối	2.928.000.000	732.000.000	25,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.817.000.000	1.001.250.000	55,10
4	Thu chuyển nguồn	2.295.000.000		0,00
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>12.153.000.000</b>	<b>2.073.745.819</b>	<b>17,06</b>
1	Chi đầu tư phát triển	-	299.000.000	
2	Chi thường xuyên	9.718.000.000	1.774.745.819	18,26
3	Dự phòng	140.000.000		
4	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	-		
5	Chi chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	2.295.000.000		

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN QUÝ II NĂM 2024

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH QUÝ II NĂM 2024		SO SÁNH %	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>15.360.000.000</b>	<b>12.153.000.000</b>	<b>4.414.891.797</b>	<b>3.184.932.226</b>	<b>28,74</b>	<b>26,21</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>290.000.000</b>	<b>290.000.000</b>	<b>14.344.000</b>	<b>14.344.000</b>	<b>4,95</b>	<b>4,95</b>
	Phí, lệ phí	269.000.000	269.000.000	14.344.000	14.344.000	5,33	5,33
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp						
	Thu phạt tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đông góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
	Thu khác	21.000.000	21.000.000			0,00	0,00
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>8.030.000.000</b>	<b>4.823.000.000</b>	<b>2.667.297.797</b>	<b>1.437.338.226</b>	<b>33,22</b>	<b>29,80</b>
1	Các khoản thu phân chia	870.000.000	710.000.000	319.159.798	271.336.191	36,69	38,22

	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70.000.000	70.000.000	80.041.755	80.041.755	114,35	114,35
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			-			
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	800.000.000	640.000.000	239.118.043	191.294.436	29,89	29,89
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.160.000.000	4.113.000.000	2.348.137.999	1.166.002.035	32,80	28,35
	Thuế khoán	3.930.000.000	3.144.000.000	1.068.820.839	807.257.230	27,20	25,68
	Thuế TNCN tổ chức CN BT	1.200.000.000	360.000.000	651.295.339	187.573.063	54,27	52,10
	Thuế TNCN tổ SXKD	1.900.000.000	570.000.000	524.513.213	150.691.819	27,61	26,44
	Thuế TNCN khác	130.000.000	39.000.000	59.397.497	7.775.922	45,69	19,94
	Thuế sử dụng tài sản thu tiền sử dụng đất			44.111.111	12.704.001		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>2.295.000.000</b>	<b>2.295.000.000</b>	-	-	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.745.000.000</b>	<b>4.745.000.000</b>	<b>1.733.250.000</b>	<b>1.733.250.000</b>	<b>36,53</b>	<b>36,53</b>
	- Thu bổ sung cân đối	2.928.000.000	2.928.000.000	732.000.000	732.000.000	25,00	25,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	1.817.000.000	1.817.000.000	1.001.250.000	1.001.250.000	55,10	55,10

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẦN QUÝ II NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC TH QUÝ II NĂM 2024			SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>12.153.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.153.000.000</b>	<b>2.073.745.819</b>	<b>299.000.000</b>	<b>1.774.745.819</b>	<b>17,06</b>		<b>14,60</b>
1	Chi giáo dục	-		-	-					
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		-	-					
3	Chi y tế	103.680.000		103.680.000	-		-			
4	Chi văn hóa thông tin	30.000.000		30.000.000	26.154.800		26.154.800	87,18		87,18
5	Chi phát thanh truyền hình	6.000.000		6.000.000			-			
6	Chi thể dục thể thao	30.000.000		30.000.000	18.034.280		18.034.280	60,11		60,11
7	Chi bảo vệ môi trường	-		-	-					
8	Chi hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	-					
9	Chi hoạt động cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	9.372.020.000		9.372.020.000	1.994.717.739	299.000.000	1.695.717.739	21,28		18,09

10	Chi cho công tác xã hội	141.300.000		141.300.000	34.839.000		34.839.000	24,66		24,66
11	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	-		-	-					
12	Dự phòng ngân sách	140.000.000		140.000.000	-					0,00
13	Nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang	2.295.000.000		2.295.000.000						0,00



